

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI LÊ GIA
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI LÊ GIA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LE GIA TRADING INVESTMENT
COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: LE GIA TRAIN CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0108651423

3. Ngày thành lập: 20/03/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Ngõ 47, phố Xuân Đỗ, tổ 10, Phường Cự Khối, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663(Chính)
2.	Bán buôn thực phẩm	4632
3.	Bán buôn đồ uống	4633
4.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo	4634
5.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
6.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
7.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
8.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
9.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
10.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
11.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
12.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
13.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động môi giới thương mại - Tư vấn về công nghệ - Dịch vụ chuyển giao công nghệ	7490
14.	Cho thuê xe có động cơ	7710
15.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
16.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
17.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ bán buôn vàng miếng)	4662

18.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4511
19.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
20.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đầu giá)	4541
21.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại nhà nước cấm)	4620
22.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
23.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
24.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
25.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
26.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động tư vấn đầu tư - Các dịch vụ ủy thác.	6619
27.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
28.	Lập trình máy vi tính	6201
29.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
30.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
31.	Cổng thông tin (Trừ hoạt động báo chí)	6312
32.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
33.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
34.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
35.	Bán buôn tổng hợp	4690
36.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
37.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
38.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
39.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
40.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651

41.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
42.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động thương mại điện tử - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
43.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4530
44.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
45.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
46.	Phá dỡ	4311
47.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
48.	Xây dựng nhà để ở	4101
49.	Xây dựng nhà không để ở	4102
50.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
51.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
52.	Xây dựng công trình điện	4221
53.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
54.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
55.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
56.	Xây dựng công trình thủy	4291
57.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
58.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
59.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
60.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
61.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
62.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
63.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
64.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
65.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
66.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
67.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
68.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đầu giá)	4791
69.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
70.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931

71.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
72.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
73.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
74.	Bốc xếp hàng hóa	5224
75.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
76.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
77.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
78.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
79.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
80.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
81.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
82.	Xuất bản phần mềm (Trừ hoạt động xuất bản phẩm)	5820
83.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
84.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ môi giới bất động sản; Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản	6820
85.	Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, chứng khoán)	7020
86.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
87.	Quảng cáo (Trừ quảng cáo thuốc lá)	7310
88.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
89.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
90.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
91.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
92.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
93.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
94.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
95.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
96.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Trừ hợp báo)	8230
97.	Đại lý du lịch	7911
98.	Điều hành tua du lịch	7912

